

PERFECT IELTS LISTENING DICTATION

Vol. 1

William Jang

 **Wisdom Garden**

 **alphabooks**
KNOWLEDGE IS POWER

 **gamma**
bridging languages

 **NHÀ XUẤT BẢN
THẾ GIỚI**

Khởi đầu và kết thúc bài thi IELTS Listening với Dictation!

Ngay sau khi xuất bản, **Perfect IELTS** đã lập tức trở thành loạt sách luyện thi IELTS bán chạy số một tại Hàn Quốc trong suốt nhiều năm. Đây thực sự là những cuốn sách gối đầu giường không thể thiếu của người học IELTS. Trong quá trình biên soạn, yếu tố mà chúng tôi luôn đặt lên hàng đầu là làm sao để có thể cải thiện năng lực ngôn ngữ cũng như điểm số của người học trong quá trình chinh phục bài thi đầy thử thách này. **Perfect IELTS Listening Dictation VOL.1** và **VOL.2** đã được ra đời từ chính niềm trăn trở đó.

“Waddell”, “3290 5876 4401 2899”, “TF274Q5”.

Các chữ cái và chữ số bên trên là đáp án cho một số câu hỏi trong bài thi IELTS Listening thực tế. Có thể dạng đề yêu cầu thí sinh nghe và điền địa chỉ, tên người hoặc chữ số còn khá xa lạ với người học nhưng chúng lại rất thường xuyên xuất hiện trong bài thi Nghe, thậm chí nó còn chiếm tới 60% tổng số câu hỏi. Nếu xét 6 dạng đề có trong bài thi IELTS Listening, ngoại trừ Multichoice và Matching thì 4 dạng đề còn lại đều yêu cầu thí sinh nghe và viết lại. Như vậy, có thể thấy kỹ năng Dictation (chép chính tả) đóng vai trò quan trọng như thế nào đối với điểm số bài thi của bạn. Tuy nhiên, hiện nay rất khó tìm trên thị trường những cuốn sách hoặc các tài liệu giúp người học luyện kỹ năng Dictation hiệu quả. **Perfect IELTS Listening Dictation** ra đời nhằm mục đích lấp vào khoảng trống đó và giúp người đọc có thể chuẩn bị tốt nhất cho kỳ thi đặc biệt quan trọng này.

Perfect IELTS Listening Dictation tập trung vào việc giải quyết ba trong số những vấn đề “khó nhằn” nhất trong bài thi IELTS Listening. Thứ nhất là chinh phục những từ và chữ số đặc thù có thể xuất hiện trong đề thi mà trước đó người học chưa từng gặp. Thứ hai là nắm vững từ vựng chuyên ngành của các chủ đề sẽ xuất hiện trong từng phần của bài thi. Và cuối cùng là chuẩn bị kỹ lưỡng nhất có thể cho hình thức thi mới là ghi lại chính xác các từ được phát âm. Với **Perfect IELTS Listening Dictation VOL.1** và **VOL.2**, chúng tôi tin chắc rằng các bạn có thể chinh phục kỹ năng Dictation trong thời gian ngắn nhất với hiệu quả tốt nhất để sẵn sàng cho bài thi vốn tốn nhiều thời gian và rất khó nâng điểm này.

Nếu muốn đạt điểm cao, hãy nắm vững những từ chuyên dụng, thuật ngữ chuyên ngành và các từ thiết yếu!

Quay trở lại với các đáp án ví dụ ở trên, ta thấy dạng đề này thực ra không quá khó, nhưng do người học không quen với những đáp án kiểu này nên dẫn đến việc bỏ trống hoặc điền sai đáp án. Ngoài ra, khi chỉ được nghe một lần duy nhất, thí sinh rất dễ viết sai chính tả hoặc bỏ sót một chữ cái hay một chữ số khiến cho đáp án không được công nhận. Không những thế, vì bài thi IELTS Listening sẽ xuất hiện cả giọng Anh-Anh và Anh-Úc, nếu thí sinh không quen với cách phát âm đó cũng sẽ rất dễ mắc lỗi. Bí quyết

để khắc phục những khó khăn này và đạt điểm cao là hãy học từ vựng thuộc những chủ đề thường gặp nhất trong IELTS Listening, các từ vựng chuyên dụng và từ vựng thiết yếu. Nếu không muốn tốn quá nhiều thời gian ôn luyện IELTS, lựa chọn đúng đắn của bạn là hãy học theo các dạng đề được hệ thống hóa trong **Perfect IELTS Listening Dictation**.

Trong **Perfect IELTS Listening Dictation VOL.1** - Từ chuyên dụng, chúng tôi đã tổng hợp và phân tích tỉ mỉ câu hỏi cũng như đáp án của dạng Dictation đã xuất hiện trong đề thi IELTS Listening 10 năm trở lại đây để đưa ra những đoạn hội thoại chọn lọc có hình thức gần nhất với đề thi thực tế. Các từ có trong hội thoại đều là từ vựng có tần suất xuất hiện cao nhất trong bài thi IELTS Listening. Như vậy, người học không chỉ học được thông qua các đề bài trong sách mà còn có thể ôn luyện nhuần nhuyễn dạng đề Dictation qua các đoạn hội thoại, từ đó cũng có thể chuẩn bị cho cả phần thi Speaking.

Đây chính là bộ giáo trình mà tôi đã dồn hết tâm trí để truyền đạt rõ ràng nhất những dữ liệu của bài thi IELTS mà tôi tích góp được từ thực tế hơn 10 năm qua, kết hợp với những kiến thức của chính bản thân. Tôi tin rằng kết quả bài thi IELTS của các bạn chính là tấm gương phản chiếu chân thực nhất những nỗ lực không mệt mỏi của tôi và các cộng sự. Hi vọng cuốn sách bạn đang cầm trên tay lúc này chính là điểm khởi đầu cho thành công và tương lai tươi sáng của các bạn sau này.

William Jang

HOW TO USE THIS BOOK

IELTS LISTENING DICTATION

PART 1

UNIT 01 IELTS Overview

Giới thiệu về kỳ thi IELTS

IELTS, từ viết tắt của International English Language Testing System, là kỳ thi được tổ chức bởi của Đại học Cambridge (ESOL), Hội đồng Anh và DP (IELTS) từ đồng phát triển, quản lý và tiến hành.

IELTS là kỳ thi được tổ chức để đánh giá năng lực tiếng Anh cho mục đích du học hay định cư ở một số nước nói tiếng Anh như Anh, Úc, Canada, New Zealand. Hiện nay, kỳ thi IELTS được tiến hành gần 800 điểm thi trên toàn thế giới mỗi tháng. Đây là kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh quốc tế, cùng với TOEFL, được công nhận là tiêu chuẩn chứng minh năng lực tiếng Anh tại hơn 3.000 trường đại học trên toàn nước Mỹ.

Bài thi IELTS đánh giá thí sinh theo thang điểm 9 như dưới đây, mỗi mức điểm tương ứng với lượng thời gian khác nhau. Trong đó, giám khảo cũng tiến đến điểm 5 (ví dụ: 6.5; 7.0; 7.5).

Band 9 Expert User (Thông thạo)	Band 8 Very Good User (Rất tốt)
Band 7 Good User (Tốt)	Band 6 Competent User (Khá)
Band 5 Modest User (Bình thường)	Band 4 Limited User (Hạn chế)
Band 3 Extremely Limited User (Giới hạn nhất)	Band 2 Intermittent User (Lúc được lúc không)
Band 1 Non-user (Không biết sử dụng)	

Kết quả thi của 4 kỹ năng Listening (Nghe), Reading (Đọc), Writing (Viết), Speaking (Nói) cũng được tính theo thang điểm trên. Phần Writing được tính dựa trên trung bình tổng điểm của 4 kỹ năng (Overall Band).

Cấu trúc kỳ thi IELTS

1. Hai dạng của kỳ thi IELTS

Kỳ thi IELTS gồm 4 kỹ năng: Listening, Reading, Writing, Speaking. Phần Writing và phần Reading thì theo nội dung của mỗi yêu cầu mà thành hai dạng là Academic Module (đánh Học Thuật) và General Module (đánh Tổng quát). Phần Listening và phần Speaking là phần thi chung, không phân chia dạng học thuật hay tổng cộng.

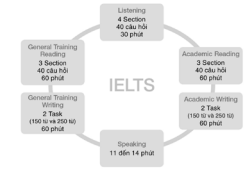
Academic Module

Bao gồm nhiều nội dung mang tính học thuật, dành cho 55 trường có miễn độ học Mỹ, Canada, Úc, New Zealand, Anh hay các nước khác.

General Module

Bao gồm nhiều nội dung liên quan đến đời sống hằng ngày, dành cho 45 trường có y chính trị ở các nước như Úc, Canada, New Zealand...

2. Quá trình tiến hành kỳ thi IELTS



IELTS Overview có 2 phần chính là phần giới thiệu và phần giải thích cách có vẻ bài thi IELTS để giúp những thí sinh lần đầu tiên dự thi có cái nhìn tổng quan nhất về kỳ thi này.

UNIT 02 Giới thiệu và cấu trúc bài thi IELTS Listening

Giới thiệu về bài thi IELTS Listening

IELTS Listening là bài thi được tiến hành theo hình thức nghe hội thoại và trả lời câu hỏi. Mục đích của phần này nhằm đánh giá khả năng nghe hiểu rõ nội dung, khả năng đọc và khả năng ghi nhớ của người nghe. Trong bài thi của bài thi Listening khác, IELTS Listening yêu cầu thí sinh phải có năng lực nghe tiếng Anh tốt để nắm bắt được nội dung và ghi lại thông tin cần thiết.

Số về các phần khác trong bài thi IELTS Listening là phần sẽ đi đến hơn cho thí sinh. Vì nội dung của phần này là các đoạn đối thoại được giải thích tương tự như trong sinh hoạt hằng ngày nên không yêu cầu thí sinh phải có nền tảng kiến thức cao như trong phần Reading. Đồng thời, do mỗi dạng câu hỏi đều có sẵn cách trả lời thì nên thí sinh chỉ cần nắm vững kỹ năng để là đã có thể nhận được từ quyết định cần ở phần này.

Tổng thời gian của bài thi IELTS Listening là 40 phút cho 40 câu hỏi được chia thành 4 Section. Mỗi Section gồm 10 câu hỏi. Thường hợp trả lời đúng 40 câu, thí sinh sẽ được 3 điểm. Khi phần nghe bắt đầu, giám thị sẽ phát đề và phần đáp án. Mỗi câu của phần đáp án là phần trả lời cho bài nghe (Listening), một câu sẽ là phần trả lời của bài đọc (Reading). Giám thị sẽ giải thích ngắn gọn bằng tiếng Anh về quy tắc làm bài cũng như thí sinh cần và có bản quyền của thí sinh. Sau khi kết thúc xong phần nghe, phần thi Listening sẽ được bắt đầu. Khi đó, giám thị sẽ đọc New Item Section 1 on page... để thí sinh bắt đầu làm bài. Trước khi phần thi bắt đầu, thí sinh không được xem trước đề. Nếu làm như vậy, thí sinh có thể bị đuổi khỏi phòng thi hoặc bị không có điểm số ở phần này của bài thi.

Thí sinh chỉ được nghe một lần duy nhất nên cần phải nghe và nhận thông tin ra cho là từ. Tuy nhiên, thí sinh có 10 phút để điền đáp án vào các câu hỏi (30 phút) nên có thể, thay vì điền ngay đáp án vào phần trả lời, thí sinh nên chờ đợi để an toàn để có thể chuyển đề án vào phần.

Cấu trúc bài thi IELTS Listening và giải thích từng Section

IELTS Listening bao gồm 4 phần, 10 câu hỏi cho mỗi phần.

Câu hỏi	Thời gian	Chi tiết	Điểm tối đa
SECTION 1	3 - 4 phút	- Đoạn hội thoại giữa 2 người - Câu hỏi liên quan đến cuộc sống hằng ngày thông thường	10
SECTION 2	3 - 4 phút	- Đoạn giải thích về một người - Câu hỏi liên quan đến cuộc sống hằng ngày thông thường	10
SECTION 3	3 - 4 phút	- Đoạn hội thoại 2 - 3 người - Câu hỏi liên quan đến giáo dục, địa phương, địa phương	10
SECTION 4	3 - 4 phút	- Đoạn giải thích của 1 hoặc 2 người - Câu hỏi liên quan đến giáo dục, địa phương	10

1. Section 1

Vì đây là section dễ nhất trong 4 section của bài thi Listening nên thí sinh cần nỗ lực trả lời đúng nhiều nhất có thể. Section 1 được tiến hành theo hình thức đối thoại giữa 2 người. Nội dung của phần này dễ cập nhật các hoạt động thường nhật với nội dung ở trong trong học (class formal) với đối thoại, nơi chuyển đến thời, nơi chuyển về công việc.

Trong số những chủ đề (topic) thông thường nhất trong section này, một chủ đề là chi phí của cuộc sống. Nội dung nghe thường xoay quanh việc trả lời các vấn đề như chi phí người dân, các nhà, một trường học, các câu của người chủ, phương thức thanh toán tiền nhà, quy định chi trả... Mục đích của section 1 là để đánh giá khả năng nghe của thí sinh và những tin tức cần thiết. Thí sinh không nên bỏ lỡ nội dung nghe và tìm ra thông tin cần thiết để trả lời câu hỏi. Vì là đoạn hội thoại giữa hai người nên nhiều khả năng người nói sẽ nói để các người khác nghe rõ nội dung trước đó. Những thông tin được lặp đi lặp lại như vậy thường là đáp án.

Trong những câu hỏi mang tính chủ quan, nhiều câu sẽ sử dụng từ ngữ đồng nghĩa câu hỏi trong đoạn hội thoại (synonym). Vì việc nghe hiểu thông tin để điền đáp án, việc phân đoạn những từ ngữ liên quan đến bố cục của đoạn hội thoại là vô cùng quan trọng. Điều cần đặc biệt chú ý là việc dùng từ sai chính tả. Thêm vào đó, người học cũng cần phải luyện tập kỹ năng nghe, phân biệt cách phát âm của những từ và văn số thường sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.

Giới thiệu và Cấu trúc bài thi IELTS Listening là phần tập trung giải thích chi tiết bài thi IELTS Listening. Thông qua phần này, người học có thể nắm được cấu trúc bài thi IELTS Listening và những dạng đề xuất hiện trong phần thi này.

✓ HOW TO USE THIS BOOK

UNIT 03 LETTER & NUMBER

Hiện mỗi trang sẽ có mã hộp ghi chú và mã của Phòng soạn tài liệu cùng với mã bài học, ngay trong đó bạn có thể ghi chú ngay tại chỗ.

1. Address

Trong trường hợp địa chỉ, địa chỉ thường có dạng viết + Street Name + Street Type như ví dụ sau đây: "11 High Road", "12 Queen Avenue".
 Khi viết địa chỉ của bạn trong giấyสมัคร xin visa bạn cần chú ý một số điều: Thứ nhất, địa chỉ của bạn cần phải có số nhà và tên đường. Thứ hai, tên đường cần phải có chữ "Road", "Lane", "Street", "Avenue", "Place", "Way", "Drive" hoặc "Court" để chỉ rõ địa điểm của bạn. Thứ ba, tên đường cần phải có chữ "Street" để chỉ rõ địa điểm của bạn. Thứ tư, tên đường cần phải có chữ "Street" để chỉ rõ địa điểm của bạn. Thứ năm, tên đường cần phải có chữ "Street" để chỉ rõ địa điểm của bạn.

2. Postcode

Trong trường hợp địa chỉ bưu điện là một số 4 chữ số, mã bưu chính là dãy không phân biệt theo thứ tự của một hoặc hai chữ số mà bạn cần ghi kèm địa chỉ của bạn. Ví dụ: "11 High Road", "12 Queen Avenue".
 Các mã này của mỗi quốc gia khác nhau để phân biệt địa điểm của bạn. Ví dụ, mã bưu chính của Anh là "AA99 99", mã bưu chính của Mỹ là "99999".
 Mã bưu chính của Anh là "AA99 99", mã bưu chính của Mỹ là "99999".
 Mã bưu chính của Anh là "AA99 99", mã bưu chính của Mỹ là "99999".
 Mã bưu chính của Anh là "AA99 99", mã bưu chính của Mỹ là "99999".

ADDRESS

1. Katy Pennington's Home Address: _____
 2. Address in Australia (friend's place): _____
 3. Patient's Address: _____
 4. Complaintant's Address No. _____
 5. Woman's Address No. _____

UNIT 3 Letter & Number giới thiệu chi tiết về đáp án của dạng đề yêu cầu thông tin có sự kết hợp giữa chữ cái và chữ số, đồng thời phân loại các đề này theo loại thông tin như địa chỉ, mã bưu chính, ngày tháng,...

IELTS LISTENING DICTATION

ANSWERS & TAPESCRIPTS TIP

UNIT 01 LETTER

ADDRESS p.37

- 1. Ellendale 32
- 2. Kierke 33
- 3. Valinda 34
- 4. Weynton 35
- 5. Hillcross 36
- 6. Hillsdrum 37
- 7. Confort 38
- 8. Amyes 39
- 9. Onorama 40
- 10. Glast 41
- 11. Brunswick 42

NAME PERSON p.37

- 1. Whitton
- 2. Northgate
- 3. Grieg

UNIT 01 LETTER

ADDRESS p.37

TAPESCRIPT 1

OFFICER: Yes, what can I do for you?
STUDENT: I was robbed at Ellendale Road and I would like to report it.

OFFICER: How do you spell the name of that place?
STUDENT: Yes, it's spelled as E-double, L-double, L-double, A-double, S-double.

OFFICER: Alright, can you state your name please?
STUDENT: Yes, it's at the Raffles Building.
WOMAN: Right.

TAPESCRIPT 3

WOMAN: Could you give me the full address of Dr Henry's Tailoring Shop, please?
MAN: Yes, it's at the Raffles Building.
WOMAN: Right.

Sự khác biệt giữa Anh-Anh và Anh-Anh-Mỹ

Cách viết giống nhau nhưng phát âm khác nhau (1)

Trong quá trình chuẩn bị cho kỳ thi IELTS, bạn cần chú ý đến sự khác biệt giữa Anh-Anh và Anh-Anh-Mỹ. Điều này không chỉ giúp bạn hiểu rõ hơn về ngôn ngữ mà còn giúp bạn tránh được những sai lầm trong quá trình học tập và thi cử.

Cách phát âm "r" của hai nước Anh và Mỹ là khác nhau. Trong tiếng Anh, "r" được phát âm là một âm tiết riêng biệt, trong khi trong tiếng Anh-Mỹ, "r" thường được phát âm là một âm tiết phụ thuộc vào ngữ cảnh.

Trình tự "s" phụ âm, trong tiếng Anh chỉ phụ thuộc phát âm là từ những tiếng Anh-Mỹ, phần còn lại được phát âm là "r". Tuy nhiên những từ như "s" và "r" trong tiếng Anh-Mỹ được phát âm là "s" và "r" trong tiếng Anh, "r" được phát âm là "r" trong tiếng Anh-Mỹ.

Chữ viết	Tiếng Anh	Tiếng Anh-Mỹ	Một từ phát âm giống nhau
Cherry	cherry	cherry	cherry
Trinity	trinity	trinity	trinity
Fun	fun	fun	fun
Business	business	business	business
Map	map	map	map
Order	order	order	order
Small	small	small	small

4 Hần viết Broken English

Chỉ viết: beach access - beach
 unsteady - unsteady
 Các từ viết tắt: health club - gym, fitness center
 Truyền hình tiếng Anh: mass com - mass media, mass communication

Đánh vần và từ viết tắt: sunbat - sunbat
 Từ viết tắt: sunbat - sunbat

PART 1 IELTS Overview 25

Do mỗi câu hỏi lại tương ứng với một đoạn hội thoại riêng nên bên cạnh việc nắm được những từ chuyên dụng là đáp án của câu hỏi, người học có thể học được những từ chuyên ngành thường xuyên xuất hiện trong phần này và những từ thiết yếu cần biết. Sau mỗi Part và Unit, sẽ có phần TIP giải thích cho sự khác nhau giữa tiếng Anh-Anh và Anh-Mỹ để hỗ trợ người học trong quá trình làm bài thi IELTS, đồng thời hiểu rõ cách phát âm theo giọng Anh-Anh là giọng đọc chính của bài thi IELTS Listening.

PREFACE	4
HOW TO USE THIS BOOK	6

PART 1 IELTS Overview

UNIT 1 IELTS OVERVIEW	12
UNIT 2 GIỚI THIỆU VÀ CẤU TRÚC BÀI THI IELTS Listening	16

PART 2 IELTS Listening Practices

UNIT 1 LETTER	28
ADDRESS	30
NAME: PERSON	37
NAME: HOTEL, SHOP, ETC	46
NAME: WEBSITE, EMAIL	47
UNIT 2 NUMBER	50
PHONE/CARD	52
COST	60
TIME	67
LENGTH/WEIGHT	73
UNIT 3 LETTER & NUMBER	78
ADDRESS	80
POSTCODE	90
DATE	96

ANSWERS & TAPESCRIPTS

ANSWERS	108
TAPESCRIPTS	115

PART 1

IELTS Overview

UNIT 1. IELTS Overview

UNIT 2. Giới thiệu và Cấu trúc bài thi IELTS Listening

UNIT 01

IELTS Overview

Giới thiệu về kỳ thi IELTS

IELTS, từ viết tắt của International English Language Testing System (Hệ thống kiểm tra Anh ngữ quốc tế), là kỳ thi được cơ quan tổ chức thi của Đại học Cambridge (ESOL), Hội đồng Anh và IDP (IELTS Úc) đồng phát triển, quản lý và tiến hành.

IELTS là kỳ thi được tổ chức để đánh giá năng lực ngôn ngữ dành cho những người có dự định du học hay định cư ở khối các nước nói tiếng Anh như Anh, Úc, Canada, New Zealand. Hiện nay, kỳ thi IELTS được tiến hành tại gần 800 điểm thi trên toàn thế giới mỗi tháng. Đây là kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh quốc tế, cùng với TOEFL được công nhận là tiêu chuẩn chứng nhận năng lực tiếng Anh tại hơn 3.000 trường đại học trên toàn nước Mỹ.

Bài thi IELTS đánh giá thí sinh trên thang điểm 9 như dưới đây, mỗi mức điểm tương ứng với từng trình độ khác nhau. Trong đó, giám khảo cũng tính đến điểm 0.5 (ví dụ: 6.5; 7.0; 7.5):

Band 9 Expert User (Thông thạo)	Band 8 Very Good User (Rất tốt)
Band 7 Good User (Tốt)	Band 6 Competent User (Khá)
Band 5 Modest User (Bình thường)	Band 4 Limited User (Hạn chế)
Band 3 Extremely Limited User (Cực kỳ hạn chế)	Band 2 Intermittent User (Lúc được lúc không)
Band 1 Non user (Không biết sử dụng)	

Kết quả thi của 4 kỹ năng Listening (Nghe), Reading (Đọc), Writing (Viết), Speaking (Nói) cũng được tính theo thang điểm trên. Phần tổng điểm được tính dựa trên trung bình cộng điểm của 4 kỹ năng đó (Overall Band).

Cấu trúc bài thi IELTS Listening và giải thích từng Section

IELTS Listening bao gồm 4 phần, 10 câu hỏi cho mỗi phần.

Cấu trúc	Thời gian	Chủ đề	Số câu hỏi
SECTION 1	3-4 phút	- Đoạn đối thoại giữa 2 người - Chủ đề liên quan đến cuộc sống sinh hoạt hằng ngày	10
SECTION 2	3-4 phút	- Đoạn giải thích của một người - Chủ đề liên quan đến cuộc sống sinh hoạt hằng ngày	10
SECTION 3	3-4 phút	- Đoạn đối thoại từ 2 - 4 người - Chủ đề liên quan đến giáo dục, rèn luyện	10
SECTION 4	3-4 phút	- Đoạn giải thích của 1 hoặc 2 người - Chủ đề liên quan đến giáo dục, rèn luyện	10

1. Section 1

Vì đây là section dễ nhất trong 4 section của bài thi Listening nên thí sinh cần nỗ lực trả lời đúng nhiều nhất có thể. Section 1 được triển khai theo hình thức đối thoại giữa 2 người. Nội dung của phần này đề cập đến các hoạt động hằng ngày với ngữ điệu ít trang trọng hơn (less formal) như đối thoại, nói chuyện điện thoại, nói chuyện về công việc,...

Trong số những chủ đề (speaking topic) thường xuất hiện trong section này, thuê chỗ trọ là chủ đề tiêu biểu. Nội dung nghe thường xoay quanh việc thuê trọ của sinh viên/ khách du lịch/ người dân, loại nhà, môi trường xung quanh, yêu cầu của người thuê, phương thức thanh toán tiền nhà, quy định cho thuê,... Mục đích của section 1 là để đánh giá khả năng nghe con số và những tin nhắn đơn giản. Thí sinh không nên bỏ lỡ nội dung nghe và tìm ra thông tin cần thiết để trả lời cho câu hỏi. Vì là đoạn hội thoại giữa hai người nên nhiều khả năng người nói sẽ hỏi lại để xác nhận hoặc nhấn mạnh nội dung trước đó. Những thông tin được lặp đi lặp lại như vậy thường là đáp án.

Trong trường hợp câu hỏi mang tính chủ quan, nhiều câu sẽ sử dụng luôn nội dung giống câu hỏi trong đoạn hội thoại (script). Từ việc nghe hiểu thông tin để điền đáp án, việc phán đoán những từ ngữ liên quan đến bối cảnh đối thoại là vô cùng quan trọng. Điểm cần đặc biệt chú ý là viết đúng con số và chính tả. Thêm vào đó, người học cũng cần phải luyện tập kỹ năng nghe, phân biệt cách phát âm của những từ và con số thường sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.

4. Section 4

Section 4 là phần khó nhất do đây là phần cuối cùng trong bài thi Listening. Bài nghe của phần này, giống như section 2, cũng sẽ xuất hiện đoạn độc thoại (monologue) của một hoặc hai người và nó đề cập đến những chủ đề mang tính học thuật (Academic) giống section 3.

Giờ học trong trường đại học là chủ đề thường xuất hiện nhất. Với các chủ đề như giờ học trong trường đại học, thảo luận về các chủ đề, phát biểu nghiên cứu, giới thiệu về viện nghiên cứu, các cơ quan hay về các quy tắc và chế độ, các dạng đề thường xuất hiện ở section này là Multiple Choice, Form/ Note/ Table/ Flow-chart/ Summary Completion/ Sentence Completion. Và thông thường, các chủ đề này thường được thảo luận một cách khá chi tiết. Phần đầu khá dễ để tìm ra đáp án, nhưng với những câu hỏi yêu cầu thông tin cụ thể về nội dung và diễn biến của cuộc thảo luận thì tương đối khó. Các chủ đề thường xuất hiện là báo cáo kết quả thí nghiệm, bàn bạc về kết quả thí nghiệm, phổ cập tri thức mới, hướng dẫn kỹ thuật mới,...

Giờ học trong trường đại học là chủ đề thường xuất hiện nhất trong section 4. Nếu phân tích cách triển khai của phần này, ta có thể thấy đối với những bài phát biểu nghiên cứu hay cuộc thảo luận, đầu tiên sẽ là phần giới thiệu về ban tổ chức hay người phát biểu, sau đó là phần giải thích ngắn gọn về cách tiến hành cuộc thảo luận, thời gian, địa điểm và số người tham dự.

Section 4 là phần dễ mất điểm nhất trong bài thi Listening. Vì phần này có nội dung nghe khá khó, nhiều đoạn không có phần ngắt nghỉ lại là độc thoại nên thí sinh khó theo dõi nội dung nghe này sẽ tương ứng với câu hỏi nào. Do đó, cách tốt nhất để giải phần này là thay vì cố gắng trả lời đúng hết toàn bộ 10 câu hỏi, thí sinh nên tập trung giải những câu mình cho là dễ và nắm chắc câu trả lời đúng của câu hỏi đó. Nếu không phải là người thực sự học tiếng Anh xuất sắc, section 4 đương nhiên là một phần rất khó và việc dễ mất điểm ở phần này là rất bình thường.

5. Các chủ đề thường xuất hiện nhất trong phần thi IELTS Listening

- | | |
|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|
| 1. Accommodation | 7. Vacation/Trip |
| 2. Health/Dining | 8. Object Introduction |
| 3. General Life or Academic
Conversations/Conversation
on the Phone | 9. Activity Introduction |
| 4. Course Selection | 10. Research/Survey |
| 5. Library | 11. Lectures/Tutorials/
Orientation Talk |
| 6. News Items | 12. Geographic Topics |

Sự khác biệt giữa Anh-Mỹ và Anh-Anh ❶

Cách viết giống nhau nhưng phát âm khác nhau!

Trong quá trình chuẩn bị cho kỳ thi IELTS, đôi khi bạn bị lẫn lộn giữa Anh-Anh và Anh-Mỹ. Xuất phát từ suy nghĩ xem xét sự khác biệt của một từ trong Anh-Anh và Anh-Mỹ, người học sẽ nhận ra: “À, ra là có sự khác nhau như vậy, từ này dùng trong trường hợp này ~”, nên chúng tôi sẽ liệt kê những mẹo hay để người học có thể tham khảo, nắm bắt và sử dụng trong quá trình học tiếng Anh. Tuy việc học hành rất vất vả, nhưng chúng tôi mong rằng bạn sẽ học từng chút, từng chút một, khi mệt thì thư giãn đầu óc rồi lấy lại tinh thần và học hành chăm chỉ hơn.

Cách phát âm âm “a” Anh và Mỹ có khác nhau. Trong Anh-Anh, từ “dance” được phát âm là /dɑ:ns/ nhưng trong Anh-Mỹ từ này lại được phát âm là /dæns/. Tương tự, từ “passport” trong Anh-Anh được phát âm là /pɑ:s.pɔ:t/ còn trong tiếng Anh-Mỹ được phát âm là /pæs.pɔ:rt/ với âm “t” hầu như không được phát âm. Nếu người học nắm lòng sự khác biệt giữa hai nước trong cách phát âm âm “a” và âm “t” như trên, quá trình học Listening sẽ nhẹ nhàng hơn rất nhiều.

Trường hợp “a + phụ âm”, trong Anh-Anh chủ yếu được phát âm là /ɑ:/ nhưng trong Anh-Mỹ phần lớn đều được phát âm là “e”. Nhưng không có nghĩa là tất cả chữ “a” trong Anh-Anh đều được phát âm là /ɑ:/ mà cũng có quy tắc phát âm riêng. Tuy không phải là quy tắc tuyệt đối, nhưng trước những âm /m, n, f, s, th/ trong Anh-Anh, “a” được phát âm là /ɑ/. Ngoại trừ những âm trên, phần lớn âm “a” đều được phát âm là /e/. Trước những âm /r, l/ trong cả Anh-Anh và Anh-Mỹ, “a” đều được phát âm là /ɑ:/.

Âm “a”			
Cách viết	Anh-Anh	Anh-Mỹ	Những từ phát âm giống nhau
Dance	/dɑ:ns/	/dæns/	Far
Tomato	/tə'mɑ:.təʊ/	/tə'met.təʊ/	Car
Ask	/ɑ:sk/	/æsk/	Jar
Banana	/bə'nɑ:.nə/	/bə'næn.ə/	Party
Map	/mæp/	/mæp/	Balm
After	/'ɑ:f.tə/	/'æf.tə/	Calm
Path	/pɑ:θ/	/pæθ/	Palm

+ Nắm vững Broken English

Ô che nắng: **beach parasol** – **beach umbrella**

Câu lạc bộ sức khỏe:

health club – **gym, fitness center**

Truyền thông đại chúng:

mass com – **mass media, mass communication**

Danh tiếng xã hội: **social reputation**

Trò lừa: **cunning** – **cheating**

PART 2

IELTS Listening Practices

UNIT 1. Letter

UNIT 2. Number

UNIT 3. Letter & Number

UNIT 01

LETTER

Letter (Chữ cái) trong phần thi IELTS Listening là dạng đáp án được viết dưới hình thức từ có nghĩa hoặc là tập hợp các chữ cái, do đó phạm vi ra đề rất rộng và đa dạng. Tuy nhiên, chúng ta có thể phân loại dạng này thành một số loại chính như dưới đây.

1. Address

Đề bài có thể cho sẵn từ mà bản thân từ đó đã là tên địa chỉ, nhưng cũng có thể ở dạng kết hợp giữa chữ cái và số. Người học có thể cho rằng việc tìm đáp án cho dạng đề chỉ có tên địa chỉ sẽ dễ hơn dạng đề có tên địa chỉ là kết hợp của chữ cái và số, nhưng với trường hợp bản thân từ đã là tên địa chỉ thì đó thường là những cái tên xa lạ mà chúng ta chưa từng nghe thấy trước đó như “Kirerke”, “Greenway”, “Amyes”. Do đó, việc học từ mới là vô cùng cần thiết.

2. Tên người, tòa nhà, cửa hàng hoặc công ty

Trong đề sẽ xuất hiện những tên chúng ta thường nghe như “Andy”, “Mark”, nhưng khả năng xuất hiện những tên lạ như “Prichette”, “Smither”, “Maine” cũng rất cao. Đề cũng có thể ra tên kèm theo họ như “Murray Atkins” hay “John Arkwright”. Tương tự như vậy, tên tòa nhà hay tên công ty như “Union Bank”, “Sheffield Hotel”, “Galloway” là những cái tên chúng ta chưa từng nghe đến nhưng có thể xuất hiện. Vì vậy, thông qua các đề IELTS đã ra trước đó, người học nên tích nhật đa dạng các từ tương ứng như trên.

3. Địa chỉ website hay email

Nghe có vẻ giống mục 2 ở trên nhưng đối với địa chỉ website, email, không phải chỉ có mỗi dạng điển chữ mà có thể còn xuất hiện cả dạng đề yêu cầu viết lại theo hình thức địa chỉ website hay địa chỉ email, nên người học cần phải ghi nhớ hình thức địa chỉ email, địa chỉ trang web như “www.OOO.com” hay “ABC@pal.com.au” và luyện viết sao cho nhuần nhuyễn.

4. Danh từ thường và tính từ

Đây là những loại từ thường xuất hiện nhất trong đề thi. Từ những từ sử dụng trong cuộc sống hằng ngày như “drawer”, “glass”, “waterfall” đến những từ chuyên ngành sử dụng trong trường đại học như “transmitter”, “investigation”, “fertiliser” đều có thể xuất hiện trong đề thi. Những từ này sẽ phân loại lĩnh vực và phạm vi ra để ứng với mỗi section, nên người học cần tập trung đào sâu vào trọng tâm những từ đã xuất hiện trong từng section ở các kỳ thi trước. Về từ loại, không chỉ danh từ mà đề thi cũng có thể xuất hiện tính từ như “light”, “natural”, “noisy”,... và động từ như “stored”, “retrained”, “built”, “adopt”,... Trong trường hợp không phải là danh từ như trên, do khả năng xuất hiện dạng để hoàn thành câu là rất cao nên thay vì viết lại nguyên văn từ được nghe, thí sinh nên thay đổi loại từ sao cho phù hợp với ngữ pháp của câu văn để có thể tìm ra câu trả lời chính xác nhất.

5. Cụm từ

Đề có thể ra không chỉ một từ mà là cụm từ được hình thành từ 2-3 từ. Có rất nhiều trường hợp xuất hiện cụm từ được tạo nên bởi hai từ “danh từ + danh từ” hoặc “tính từ + danh từ” như “organic food”, “offering bags”, “head office”; cụm từ có sự kết hợp của 3 từ theo hình thức liệt kê như “light and heat”, “safety and nutrition” hay theo cách thức diễn đạt như “knowledge of engineering”, “lack of cleaning”.

ADDRESS

1A

1 Address where the robbery took place: Road



2 Address where the woman is from: Road



3 Address of the tailoring shop: Street



4 Location of the school: Green Way,



5 Address where the man lives: No.33



6 Road where the restaurant is located: Road



Blank grey rectangular area for writing the answer to question 6.

7 Address of the house for rent: North Street,



Blank grey rectangular area for writing the answer to question 7.

8 Road where the woman is located: Road



Blank grey rectangular area for writing the answer to question 8.

9 Name of the place where the woman is from in New Zealand:

.....



Blank grey rectangular area for writing the answer to question 9.

10 Road where the new office is located: Road,
London



Blank grey rectangular area for writing the answer to question 10.

Sự khác biệt giữa Anh-Mỹ và Anh-Anh ②

Cách viết giống nhau nhưng phát âm khác nhau!

Trong Anh-Mỹ, từ “doctor” phần lớn được phát âm là /dɔ:k.tə/ nhưng trong Anh-Anh, từ này được phát âm là /dɒk.tər/, viết sao đọc vậy. Khác với Anh-Mỹ, âm /o/ phần lớn đều được phát âm là /a/, trong Anh-Anh, âm /o/ thường được phát âm thành /ɒ/ hoặc /ɔ/.

Trường hợp âm /t/ và /d/ đứng giữa hai nguyên âm, trong Anh-Mỹ, những âm này thường bị biến âm và phát âm gần giống với /r/ cong lưỡi, nhưng trong Anh-Anh, chúng được phát âm theo đúng cách viết còn nguyên âm thì được phát âm ngắn hơn. Phụ âm “t” đứng giữa hai nguyên âm được phát âm đúng là /t/ còn âm “r” đứng ở cuối mỗi từ sẽ không được phát âm. Vì vậy, những từ này thường gây cảm giác cứng nhắc khi nghe.

Trường hợp âm /r/ là âm cuối của một từ, trong Anh-Mỹ, âm /r/ được phát âm rất mạnh, nhưng trong Anh-Anh, âm /r/ không được phát âm. Tuy nhiên, trong Anh-Anh, không phải tất cả âm /r/ đều không được phát âm. Nếu âm /r/ là âm bắt đầu của những từ như “radio”, “ride”, “rare” thì âm này được phát âm rất rõ. Âm /r/ đứng cuối một từ nhưng vẫn được phát âm bằng cách nối âm với nguyên âm của từ tiếp theo.

Âm “o”		
Từ	Anh-Anh	Anh-Mỹ
doctor	/dɒk.tər/	/dɔ:k.tə/
socks	/sɒks/	/sɑ:ks/
hot	/hɒt/	/hɑ:t/
job	/dʒɒb/	/dʒɑ:b/
boxer	/'bɒk.sər/	/'bɑ:k.sə/

Âm “t”		
Từ	Anh-Anh	Anh-Mỹ
water	/'wɔ:.tər/	/'wɑ:.tə/
better	'bet.ər/	/'bet.ə/
computer	/kəm'pjʊ:.tər/	/kəm'pjʊ:.tə/
letter	/'let.ər/	/'let.ə/
battle	/'bæt.əl/	/'bæt.əl/

Âm “r”		
Từ	Anh-Anh	Anh-Mỹ
here	/hɪə/	/hɪr/
there	/ðeə/	/ðer/
car	/kɑ:/	/kɑ:r/
father	/'fɑ:ðə/	/'fɑ:rðə/
park	/pɑ:k/	/pɑ:rk/

+ **Nắm vững Broken English**

Bếp điện: **gas-range** – stove / oven

Tài năng: **talent** – actor / actress

Tài xế: **driver** – screw driver

cf. Lò vi sóng – **microwave oven**

Xăng: **oil** – **gas** / **gasoline**

UNIT 01 LETTER

ADDRESS

tr.30

- 1 Ellendale
- 2 Kierke
- 3 Valencia
- 4 Waverton
- 5 Hilicross
- 6 Hillsdunne
- 7 Conesfort
- 8 Amyes
- 9 Omerama
- 10 Gatliff
- 11 Brunswick
- 12 Paradise
- 13 George
- 14 Exeter
- 15 Heyworth
- 16 Church
- 17 Holden
- 18 Millbank
- 19 Shepherd
- 20 Montague
- 21 Suffolk
- 22 Goldington
- 23 Brompton
- 24 Strathmore
- 25 Gloucester
- 26 Renfrew
- 27 Stonehill
- 28 Wickford
- 29 Swavesey
- 30 Elinora
- 31 Walmsley

- 32 Elsinore
- 33 Fearnleigh
- 34 Beanham
- 35 Picardilly

NAME: PERSON

tr.37

- 1 Whitton
- 2 Northwaite
- 3 Grieg
- 4 Whitworth
- 5 Rogala
- 6 Walsham
- 7 Collins
- 8 Swachenger
- 9 Aguilera
- 10 Madrona
- 11 Hanford
- 12 Cowper
- 13 Pennington
- 14 Cresiik
- 15 Atkinson
- 16 Maine
- 17 Rhys
- 18 Rayleigh
- 19 Prichett
- 20 Dressler
- 21 Trager
- 22 Cuningham
- 23 Braddle

UNIT 01 LETTER

ADDRESS

tr.30

TAPESCRIPT 1

OFFICER: Yes, what can I do for you?

STUDENT: I was robbed at Ellendale Road and I would like to report it.

OFFICER: How do you spell the name of that place?

STUDENT: Yes, it's spelt as E-double L-E-N-D-A-L-E.

OFFICER: Alright, can you state your name please?

Cảnh sát: Vâng, tôi có thể giúp gì cho bạn?

Học sinh: Cháu bị cướp trên đường Ellendale nên cháu muốn khai báo.

Cảnh sát: Cháu có thể đánh vần tên đường đó được không?

Học sinh: Vâng, tên đường là E-hai chữ L-E-N-D-A-L-E a.

Cảnh sát: Được rồi, cháu cho chú xin tên nhé?

TAPESCRIPT 2

WOMAN: Hi, can you help me? I lost my baggage in the train.

CLERK: Yes no problem, kindly fill out this form and tell me where you're from.

WOMAN: I am from Kierke Road, Santorini Mexico. Kierke spelt as K-I-E-R-K-E.

CLERK: Alright, I got it. We will phone you as soon as we find your baggage.

WOMAN: That's great. Thank you so much! How long should I wait to be contacted?

Người phụ nữ: Chào anh, anh có thể giúp tôi được không? Tôi bị mất hành lý trên tàu.

Nhân viên: Vâng, tôi rất sẵn lòng. Chị vui lòng điền vào đơn này và cho tôi biết chị đến từ đâu.

Người phụ nữ: Tôi ở đường Kierke, Santorini Mexico. Kierke viết là K-I-E-R-K-E.

Nhân viên: Vâng tôi nắm được thông tin rồi. Chúng tôi sẽ gọi ngay khi tìm được hành lý của chị.

Người phụ nữ: Tốt quá. Cảm ơn anh rất nhiều! Vậy tôi phải đợi đến khi nào?

TAPESCRIPT 3

WOMAN: Could you give me the full address of Shirley's Tailoring Shop, please?

MAN: Yes, it's at the Raffles Building.

WOMAN: Right.

MAN: On Valencia Street.

WOMAN: Can you spell that please?

MAN: Yes. It's V-A-L-E-N-C-I-A Street.

WOMAN: Awesome, thank you!

Người phụ nữ: Anh có thể cho tôi biết địa chỉ đầy đủ của cửa hàng Shirley's Tailoring được không?

Người đàn ông: Vâng, nó ở tòa nhà Raffles.

Người phụ nữ: Vâng.

Người đàn ông: Trên phố Valencia.

Người phụ nữ: Anh có thể đánh vần tên con phố đó được không?

Người đàn ông: Vâng. Là phố V-A-L-E-N-C-I-A.

Người phụ nữ: Thật tuyệt, cảm ơn anh!

TAPESCRIPT 4

STUDENT: Do you know where this school is located? I'm going to enroll for a computer course there.

MAN: Can you tell me the address please?

STUDENT: It is located in Green way, Waverton.

MAN: How do you spell Waverton?

STUDENT: Yes, it's W-A-V-E-R-T-O-N.

MAN: Just turn right after this next street.

STUDENT: Thank you.